

BÀI 11. QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.
- Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.
- Thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Tự chủ và tự học:* Có những kiến thức cơ bản về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để thực hiện những hoạt động học tập.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến bình đẳng giới trong các dân tộc.

Năng lực đặc thù:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của mỗi công dân trong thực hiện pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc; phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc; đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm

phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi phân biệt đối xử giữa các dân tộc trong các lĩnh vực.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Rút ra được bài học cho bản thân trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc; tự đặt mục tiêu, kế hoạch rèn luyện để thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong đời sống thường ngày; thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Hiểu được một số kiến thức pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc; có tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong đó có đảm bảo được quyền bình đẳng giữa các dân tộc; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- Yêu quê hương, đất nước, tự hào về con người, về dân tộc của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SHS, SGK, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11, Giáo án;
- Tranh/ ảnh, clip, câu chuyện, thông tin liên quan tới bài học;
- Một số điều luật liên quan đến nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint,...(nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS, SBT Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11.
- Vở ghi, bút, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu ý nghĩa bài học, khai thác hiểu biết của HS về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo hứng thú cho HS để kết nối vào bài học.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần Mở đầu SHS tr.68.
- GV dẫn dắt vào bài học.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thông tin.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần Mở đầu SHS tr.68:

Em hãy chỉ ra quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thông tin sau:

“Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc,....”

(Trích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc đoạn trích, dựa vào hiểu biết của bản thân, suy nghĩ câu trả lời.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi:

Đoạn trích trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy: các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng với nhau trước pháp luật về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: *Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc và cá dân tộc đều bình đẳng với nhau trước pháp luật. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, tham gia xây dựng đất nước.*

*Để hiểu rõ hơn, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay - **Bài 11. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

a. Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trong SHS tr.68-71 và trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bình đẳng về chính trị Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 2 HS đọc thông tin trong SHS tr.68-69. - GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu:	1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc a. Bình đẳng về chính trị Các dân tộc đều có quyền, có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, tham

+ Nhóm 1: Quy định tỉ lệ ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong thông tin 1 nhằm mục đích gì? Vì sao? + Nhóm 2: Quyền bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc ở Việt Nam được biểu hiện như thế nào trong thông tin 2? - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng hiểu biết để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy lấy ví dụ thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực chính trị.</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, đọc thông tin SHS tr.68-69, thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi: + Thông tin 1: Quy định tỉ lệ ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong thông tin 1 nhằm mục đích để các dân tộc thiểu số có thể thực hiện được quyền bình đẳng giữa các dân tộc khi tham gia vào các cơ quan đại diện của	gia vào việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.
---	--

Nhà nước.

+ **Thông tin 2:** các dân tộc sinh sống ở Việt Nam đều bình đẳng về chính trị, người của bất kì dân tộc nào cũng có thể được bầu làm đại biểu Quốc hội ở Việt Nam, quyền bình đẳng giữa các dân tộc không chỉ về mặt pháp lí mà cả về thực tiễn, được hiện thực hóa trong kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV.

+ Ví dụ thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực chính trị: Nghị quyết số 1135 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII đặt mục tiêu phấn đấu đạt 18% tỷ lệ người dân tộc thiểu số (DTTS) trúng cử đại biểu Quốc hội trong tổng số đại biểu Quốc hội.

- GV mời HS nêu quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị.

- Các nhóm HS nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV mở rộng kiến thức, trình chiếu cho HS biết thêm về bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị:



Bác Giàng Seo Phử (dân tộc H'Mông) đảm nhiệm chức Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban dân tộc Chính phủ



Bác Tòng Thị Phóng (dân tộc Thái), đảm nhiệm chức Phó chủ tịch Quốc hội khóa XIII.

- GV chuyển sang nhiệm vụ tiếp theo.

Nhiệm vụ 2: Bình đẳng về kinh tế

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời 1-2 HS đọc thông tin trong SHS tr.69-70.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:

Quyền bình đẳng về kinh tế giữa các dân tộc ở

b. Bình đẳng về kinh tế

- Các dân tộc được Đảng, Nhà nước bảo đảm và tạo mọi điều kiện để có cơ hội phát triển về kinh tế:

+ Ban hành đường lối, chính sách phát triển kinh tế – xã hội đặc thù.

+ Quan tâm đầu tư, tạo các điều

<i>Việt Nam được biểu hiện như thế nào trong các thông tin trên?</i> - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng hiểu biết để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực kinh tế.</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, đọc thông tin SHS tr.69-70, thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 1-2 nhóm trả lời câu hỏi: + Thông tin 3: <i>Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ đề ra chủ trương, chính sách mà còn ban hành các văn bản pháp luật cụ thể, tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi nhằm thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước.</i>	kiện phát triển tốt nhất cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa.
--	---

+ **Thông tin 4:** Đồng bào các dân tộc ở bản Kéo Hượn đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường được tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở địa phương, từng bước nâng cao và cải thiện cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân trong bản.

+ **Ví dụ:** Ngày 31/7/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 135/QĐ-TTg về Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã địa bàn khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (gọi tắt là Chương trình 135).

- GV mời HS nêu quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế.

- Các nhóm HS nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV trình chiếu một số hình ảnh về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về lĩnh vực kinh tế:



Hỗ trợ vật tư sản xuất cho đồng bào vùng cao

Yên Bái từ nguồn vốn Chương trình 135



Nhờ vốn của Chương trình 135, nhiều con đường ở Tây Ninh được nâng cấp

- GV chuyển sang nhiệm vụ tiếp theo.

Nhiệm vụ 3: Bình đẳng về văn hóa, giáo dục

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời 2 HS đọc thông tin trong SHS tr.71.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin SHS và trả lời câu hỏi:

Quyền bình đẳng về văn hoá, giáo dục giữa các dân tộc được biểu hiện như thế nào trong các thông tin trên?

- GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng hiểu biết để trả lời câu hỏi: *Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục.*

- GV hướng dẫn HS rút ra kết về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

c. Bình đẳng về văn hóa, giáo dục

- Các dân tộc được Đảng, Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi dân tộc gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hoá của dân tộc mình.

- Có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy.

- Bình đẳng cơ hội học tập, trong tiếp cận, thụ hưởng các giá trị văn hoá, giáo dục, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau trong phát triển giáo dục.

- HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin SHS tr.71, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi:
 - + **Thông tin 3:** *Các dân tộc sinh sống ở Việt Nam đều bình đẳng về văn hoá. Văn hoá của tất cả các dân tộc đều được tạo điều kiện để bảo tồn, gìn giữ và phát huy. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình.*
 - + **Thông tin 4:** *Các dân tộc đều bình đẳng về giáo dục, Đảng, Nhà nước tạo mọi điều kiện để đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc thiểu số.*
 - + **Một số ví dụ trong thực tiễn:** *Trong những năm qua, để phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo, ban hành và thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số, miền núi, tiêu biểu như:*

- *Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi;*
- *Chính sách học bổng đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học;*

- GV mời HS nêu quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục.
- Các nhóm HS nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- GV trình chiếu một số hình ảnh về bình đẳng giữa các dân tộc về văn hóa, giáo dục:

Trong lĩnh vực văn hóa:



Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới.



Vẻ đẹp của người phụ nữ các dân tộc được tôn vinh trong Cuộc thi Hoa hậu các dân tộc Việt Nam.

Trong lĩnh vực giáo dục:



Học sinh, sinh viên tỉnh Lào Cai được ủy ban Dân tộc Tỉnh tuyên dương thành tích



Trẻ em miền núi được đi học và phổ cập giáo dục ngày càng được nâng cao.

- GV chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội

a. Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin SHS tr.72 -73 và trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ), yêu cầu HS đọc thông tin 1, 2 SHS tr.72-73 và trả lời câu hỏi: + Nhóm 1, 2: Từ hai thông tin trên, em hãy cho biết để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước thì các dân tộc cần phải làm gì. + Nhóm 3, 4: Từ thông tin 2, em hãy cho biết việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc đã có tác động tích cực như thế nào đến đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Nếu các dân tộc trong đất nước không bình đẳng thì sẽ dẫn đến những hậu quả gì? - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về ý	2. Tìm hiểu ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội - Là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc. - Tạo điều kiện để mỗi dân tộc đều có cơ hội phát triển, phát huy được những điểm tích cực, những yếu tố đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình. - Nêu cao ý thức, trách nhiệm đối với quê hương đất nước. - Cùng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc.

nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc các thông tin SHS tr.72-73, thảo luận và vận dụng sự hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội theo hướng dẫn của GV. - GV theo dõi, hỗ trợ HS trong quá trình học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi: <i>1/ Để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước thì các dân tộc cần phải: tôn trọng sự khác biệt của mỗi dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc đoàn kết, cùng phát triển, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, cùng thực hiện mục tiêu chung của đất nước “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.</i> <i>2/</i> <i>+ Nhờ những chính sách đúng đắn về dân tộc, đặc biệt là quyền bình đẳng giữa các dân tộc mà các dân tộc đều có điều kiện phát triển về mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, xã hội.</i>	- Động viên, phát huy các nguồn lực của các dân tộc khác nhau cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. - Là thực tiễn sinh động để đấu tranh chống lại các hành vi xuyên tạc chính sách dân tộc của các thế lực thù địch không có thiện chí với đất nước ta.
--	---

+ Nếu các dân tộc trong đất nước không bình đẳng thì sẽ dẫn đến sự phân biệt đối xử giữa các dân tộc, làm cho một số dân tộc không có các điều kiện để phát triển như những dân tộc khác. Điều đó có thể dẫn đến những hành vi kì thị, chia rẽ, mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc, làm cả xã hội phát triển chậm, không ổn định. Hơn nữa, các thế lực thù địch có thể lợi dụng để chia rẽ, phá hoại sự đoàn kết giữa các dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. - GV mời HS nêu ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét và kết luận. - GV chuyển sang nội dung tiếp theo.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố tri thức vừa khám phá; đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các tình huống đơn giản, tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm và làm các bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1. Em hãy cho biết một số quyền bình đẳng giữa các dân tộc được nhà nước quy định là gì?

- A. Chỉ có quyền bình đẳng về chính trị
- B. Chỉ được quyền bình đẳng về giáo dục và đào tạo
- C. Chỉ có quyền bình đẳng về văn hóa, giáo dục
- D. Bình đẳng về chính trị, bình đẳng về kinh tế, bình đẳng về văn hóa giáo dục

Câu 2. Bình đẳng giữa các dân tộc tạo nên điều gì?

- A. Là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc
- B. Là điều tạo ra khoảng cách giữa các dân tộc trong một Quốc gia
- C. Làm cho các dân tộc ít người không tiếp cận được với các đại ngộ của nhà nước
- D. Là sự thiếu tôn trọng đối với một số cộng đồng dân tộc trong một Quốc gia

Câu 3. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện bản sắc dân tộc?

- A. Che dấu các đặc điểm riêng của từng dân tộc
- B. Có cơ hội được thể hiện các nét văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình
- C. Làm mất đi sự đa dạng trong văn hóa, bản sắc của một Quốc gia
- D. Tạo cơ hội cho các nội dung xuyên tạc về các dân tộc phát triển mạnh mẽ

Câu 4. Quyền bình đẳng về kinh tế giữa các dân tộc ở Việt Nam được thể hiện qua các việc làm nào?

- A. Nhà nước chỉ cung cấp các quyền lợi cho các vùng trọng điểm để phát triển kinh tế
- B. Nhà nước đảm bảo và tạo điều kiện để các dân tộc có cơ hội phát triển về kinh tế
- C. Nhà nước không quan tâm được hết đối với các vùng kinh tế nhỏ lẻ không đem lại những lợi nhuận cao cho đất nước
- D. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, đầu tư mạnh cho các vùng kinh tế trọng điểm Quốc gia

Câu 5. A là người dân tộc thiểu số, gia đình lại đông con, năm nay bố mẹ bắt A phải bỏ dở việc học để cùng bố mẹ lo chuyện nương rẫy. A không đồng ý, bố mẹ nói việc học với người dân tộc thì sẽ chẳng có kết quả gì tốt đẹp, cho dù có học giỏi đi chăng nữa thì cũng sẽ không có ai trọng dụng. Theo em, suy nghĩ của bố mẹ A như vậy có đúng không?

- A. Suy nghĩ của bố mẹ A là sai vì Nhà nước luôn khuyến khích trẻ em đến trường, quyền được tiếp cận với kiến thức là dành cho mỗi người, có kiến thức chúng ta mới có thể thay đổi được cuộc sống
- B. Suy nghĩ của bố mẹ A là có căn cứ vì điều kiện học tập ở trên vùng cao rất khó khăn, các em sẽ không nhận được bất kì sự hỗ trợ nào
- C. Suy nghĩ của bố mẹ A là đúng vì nhà đông con, A không nên học quá nhiều còn dành phần được học cho các em nữa
- D. Suy nghĩ của bố mẹ A là đang mong muốn A có thể giúp mình gánh vác một số công việc trong gia đình

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về quyền bình đẳng giữa các dân tộc để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
-----	---	---	---	---	---

Đáp án	D	A	B	D	A
---------------	---	---	---	---	---

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SHS tr.73-74)

Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS đọc trường hợp SHS tr.73 và thực hiện nhiệm vụ:

Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bài tập 1 dưới dạng Phiếu học tập:

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a) Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có thể có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước.	x		
b) Các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của	x		

dân tộc.			
c) Việc thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số sẽ làm cho họ không cố gắng, vươn lên trong học tập.		x	
d) Việc kì thị, phân biệt đối xử về thành phần dân tộc sẽ dẫn đến mất đoàn kết, chia rẽ giữa các dân tộc.	x		

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học về quyền bình đẳng giữa các dân tộc để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi và thu Phiếu học tập:

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a) Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có			Công dân Việt Nam có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội; công dân đủ mười tám tuổi

thể có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước.			trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo...
b) Các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc.			Theo quy định của pháp luật Việt Nam thì ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt, song các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình.
c) Việc thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số sẽ làm cho họ không cố gắng, vươn lên trong học tập.			Việc Nhà nước quy định và thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với HS, sinh viên là người dân tộc thiểu số sẽ tạo điều kiện thuận lợi để HS, sinh viên là người dân tộc thiểu số vượt qua những khó khăn vươn lên học tốt vì lợi ích của bản thân, dân tộc mình và cả đất nước.
d) Việc kì thị, phân biệt đối xử về thành phần dân tộc sẽ dẫn đến mất đoàn kết, chia rẽ giữa các dân			Việc kì thị, phân biệt đối xử về thành phần dân tộc sẽ dẫn đến mất đoàn kết, không bình đẳng, không tôn trọng sự khác biệt về dân tộc, chia rẽ dân tộc, không

tộc.			giúp nhau phát triển, thậm chí còn làm cho xã hội chậm phát triển.
------	--	--	--

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Hành vi của các chủ thể dưới đây là thực hiện đúng pháp luật hay vi phạm pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi và thực hiện nhiệm vụ: *Hành vi của các chủ thể dưới đây là thực hiện đúng pháp luật hay vi phạm pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc? Vì sao?*

+ **Trường hợp a.** *Bố A là người dân tộc Kinh, mẹ A là người dân tộc thiểu số, khi khai sinh A mang dân tộc của bố. Hiện nay gia đình A sinh sống và làm việc tại bản của mẹ A. Để hoà nhập với người dân nơi đây, A đã yêu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi dân tộc của mình từ dân tộc của bố sang dân tộc của mẹ.*

+ **Trường hợp b.** *Để mở rộng sản xuất, Công ty X đăng tin tuyển dụng 3 kỹ sư tin học biết tiếng Anh vào làm việc. Đối chiếu với các tiêu chuẩn mà công ty đề ra đối với ứng viên, anh Q thấy mình đều đủ cả nên đã đăng ký dự tuyển nhưng không được Công ty X chấp nhận vào làm việc vì lý do anh Q là người dân tộc thiểu số.*

+ **Trường hợp c.** *Nhận thấy các lễ hội truyền thống văn hoá tốt đẹp của bản dân bị lãng quên, anh H sau khi trúng cử vào Hội đồng nhân dân xã Y đã lên kế hoạch và đề ra các biện pháp phục hồi, bảo tồn, phát triển các điệu múa, trò chơi dân gian.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc trường hợp, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, thảo luận để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi:

a. Các hành vi, việc làm của A và cơ quan có thẩm quyền đều đúng. Pháp luật Việt Nam quy định: Công dân có quyền xác định dân tộc của mình (trích Điều 42 Hiến pháp năm 2013).

b. Việc làm của Công ty X không nhận anh Q vào làm việc với lý do anh là người dân tộc thiểu số là sai. Công ty đã phân biệt đối xử và vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

c. Việc làm của anh H là đúng, vì theo Hiến pháp Việt Nam quy định: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình (khoản 3 Điều 5 Hiến pháp năm 2013).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có) cho các bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin bài Luyện tập 3 SHS tr.74 và thực hiện yêu cầu:

Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

+ Nhóm 1: *Tình huống a. Gần tới ngày Tòa án xét xử việc tranh chấp đất đai giữa anh P (người dân tộc O-đu) với anh N (người dân tộc Kinh). Anh P lo lắng vì mình chỉ thành thạo tiếng dân tộc O-đu mà không thành thạo tiếng Việt sẽ gây bất lợi cho bản thân.*

Em hãy tư vấn cách thức để giúp anh P được đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ *Nhóm 2: Tình huống b. D và B sinh ra, lớn lên và học tập cùng trường tại địa phương X. Cả hai cùng dự thi vào Trường Đại học N và có số điểm thi đại học bằng nhau, nhưng D là người dân tộc thiểu số được cộng thêm điểm ưu tiên nên đủ điểm đỗ, còn B là người dân tộc Kinh không ưu tiên nên không đỗ. B thắc mắc và cho rằng như vậy là không được đảm bảo sự bình đẳng.*

Em hãy tư vấn để giúp B hiểu được chính sách ưu tiên của Nhà nước trong việc tuyển sinh đại học.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin SHS, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về quyền bình đẳng giữa các dân tộc để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày câu trả lời:
 - + **Tình huống a:** Anh P vẫn có thể trình bày trước Tòa án bằng tiếng dân tộc O đu của mình, vì pháp luật Việt Nam quy định: Công dân có quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (trích Điều 42 Hiến pháp năm 2013).
 - + **Tình huống b:** Việc giải quyết của Trường Đại học N là đúng. Việc Nhà nước ưu tiên trong tuyển sinh đại học đối với người dân tộc thiểu số là hoàn toàn hợp lý, nhằm tạo điều kiện cho người dân các dân tộc thiểu số có thể thực hiện được quyền bình đẳng của mình với dân tộc đa số.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

c. Sản phẩm học tập: Các bài phát biểu, bài viết của những người nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Em và nhóm học tập sưu tầm các bài phát biểu, bài viết của những người nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới về quyền bình đẳng giữa các dân tộc và chia sẻ với các bạn trong lớp.*

- GV hướng dẫn HS tìm các bài phát biểu, bài viết trên báo, sách, internet,... để chia sẻ với các bạn vào giờ học sau.

Ví dụ:

+ *Lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam (ngày 03-12-1945).*

+ *Lời căn dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh khi thăm và làm việc với đồng bào và cán bộ tỉnh Cao Bằng ngày 21-02-1961.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc nhóm, dựa vào những kiến thức được học, tham khảo một số thông tin trên sách, báo, internet,... để sưu tầm.

- GV theo dõi quá trình HS thực hiện, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, củng cố, dặn dò và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.*

+ Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.

- Làm bài tập 4 trong phần Luyện tập SHS và bài tập trong SBT.